

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013
đã được soát xét*



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	5 – 32
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 32

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001012 ngày 03 tháng 5 năm 2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 18.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ thực tế đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty là 27.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm:

- Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Kinh doanh khách sạn, các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ, các mặt hàng nhựa, may mặc đồ da, giả da và sản phẩm in các loại;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 32).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Xuân Hà	Chủ tịch
Bà Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên
Bà Tô Thanh Huyền	Ủy viên
Ông Chu Xuân Kiên	Ủy viên
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nghiêm Xuân Thụy	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2013
Bà Tô Thanh Huyền	Phó Giám đốc phụ trách Công ty	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2013
Ông Phạm Văn Vinh	Phó Giám đốc	
Ông Vũ Minh Đức	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2013
Bà Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013

TM. Ban Giám đốc

Phó Giám đốc phụ trách



Tô Thanh Huyền

Số: 252/2013/BCSX-AASCN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được lập ngày 08 tháng 8 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 được trình bày từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vang Thăng Long. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình soát xét chúng tôi nhận thấy một số khoản chi phí lãi vay, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đã phát sinh trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 với số tiền là 4.661.809.153 đồng đang được phản ánh trên khoản mục "Chi phí trả trước ngắn hạn" mà không kết chuyển vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của nó, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 * Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn * Web: www.aascn.com.vn

4

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 * Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.995.111.962	99.418.970.052
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.629.206.060	30.383.233.328
1.	Tiền	111	V.01	1.629.206.060	24.533.233.328
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	5.850.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.759.737.279	31.288.828.779
1.	Phải thu khách hàng	131		6.677.481.482	29.258.688.554
2.	Trả trước cho người bán	132		799.945.351	1.250.244.596
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	1.282.310.446	783.018.694
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	(3.123.065)
IV.	Hàng tồn kho	140		45.538.864.253	37.378.232.520
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	45.538.864.253	37.378.232.520
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		6.067.304.370	368.675.425
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	4.736.316.730	28.181.507
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		584.290.251	18.891.134
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	56.875.153	77.888.888
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		689.822.236	243.713.896

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.467.242.176	22.468.500.858
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		44.380.000	71.680.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.06	44.380.000	71.680.000
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		9.181.601.629	10.449.520.811
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	6.732.247.397	7.993.021.158
	- Nguyên giá	222		41.177.490.093	43.330.259.775
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(34.445.242.696)	(35.337.238.617)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	61.698.632	68.844.053
	- Nguyên giá	228		95.000.000	725.600.764
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(33.301.368)	(656.756.711)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	2.387.655.600	2.387.655.600
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.10	8.053.054.286	8.218.282.802
1.	Nguyên giá	241		8.261.425.803	8.261.425.803
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(208.371.517)	(43.143.001)
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.200.000.000	1.000.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	1.200.000.000	1.000.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		2.988.206.261	2.729.017.245
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	2.988.206.261	2.729.017.245
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		83.462.354.138	121.887.470.910

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		133.833.648	130.710.583
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2013

Phó Giám đốc phụ trách



Tô Thanh Huyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	22.839.070.388	35.161.620.489
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	7.616.289.811	6.373.898.719
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	15.222.780.577	28.787.721.770
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	11.535.967.185	23.430.012.599
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.686.813.392	5.357.709.171
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	89.772.099	61.360.174
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	502.717.782	595.697.514
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		502.717.782	595.697.514
8.	Chi phí bán hàng	24		1.416.402.938	2.515.634.161
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.425.325.111	1.663.992.457
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		432.139.660	643.745.213
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	3.897.962.278	514.374
12.	Chi phí khác	32	VI.08	4.192.041.076	15.183.385
13.	Lợi nhuận khác	40		(294.078.798)	(14.669.011)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		138.060.862	629.076.202
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	24.118.949	74.008.309
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		113.941.913	555.067.893
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	42	309

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2013

Phó Giám đốc phụ trách



Tô Thanh Huyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		45.830.857.325	54.562.637.243
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(26.750.218.113)	(37.436.346.146)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.212.385.769)	(3.825.333.984)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(2.790.380.346)	(2.987.336.457)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(3.029.735)	(756.018.100)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		651.762.404	1.999.134.584
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(26.057.265.487)	(16.626.081.727)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(16.330.659.721)	(5.069.344.587)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(225.299.091)	(762.816.043)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(200.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		88.371.290	61.366.024
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(336.927.801)	(701.450.019)

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		30.576.636.263	34.739.519.627
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(42.663.076.009)	(33.424.988.673)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.086.439.746)	1.314.530.954
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(28.754.027.268)	(4.456.263.652)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		30.383.233.328	5.469.807.291
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.629.206.060	1.013.543.639

Kế toán trưởng


Trần Thị Hoàng Liên

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2013

Phó Giám đốc phụ trách

**Tô Thanh Huyền**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		45.830.857.325	54.562.637.243
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(26.750.218.113)	(37.436.346.146)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.212.385.769)	(3.825.333.984)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(2.790.380.346)	(2.987.336.457)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(3.029.735)	(756.018.100)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		651.762.404	1.999.134.584
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(26.057.265.487)	(16.626.081.727)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(16.330.659.721)	(5.069.344.587)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(225.299.091)	(762.816.043)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(200.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		88.371.290	61.366.024
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(336.927.801)	(701.450.019)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm:

Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;

- Kinh doanh khách sạn, các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ, các mặt hàng nhựa, may mặc đồ da, giả da và sản phẩm in các loại;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, một số ngành nghề được cấp phép nhưng trong kỳ kế toán chưa phát sinh tại Công ty bao gồm:

- Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất, vật liệu và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà ở;
- Kinh doanh lữ đoàn nội địa, lữ hành quốc tế, các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát Karaoke);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, đồ uống có cồn, lương thực, thực phẩm, các mặt hàng công nghệ phẩm, thủ công mỹ nghệ, hàng nhựa, hàng may mặc, hàng tiêu dùng;
- Tư vấn, lắp đặt, chuyển giao công nghệ, cung cấp thiết bị, dây chuyền sản xuất, nước giải khát có gas;
- Đầu tư, kinh doanh nhà ở;
- Sản xuất, mua bán, chế biến, ký gửi hàng nông, lâm, thủy sản;
- Mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, ngành chế biến nông, lâm, thủy sản, hải sản;
- Sản xuất, chế biến, bảo quản, mua bán rau quả, thức ăn đông lạnh;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng xe ô tô;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, san lấp mặt bằng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

04. Thông tin về Công ty con

Tên và địa chỉ Công ty con	Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (VND)	Tỷ lệ góp vốn thực tế và quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại ngày 30/6/2013			
		Giá trị vốn của Công ty con (VND)	Giá trị vốn của Công ty mẹ tại Công ty con (VND)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
<i>Công ty TNHH một thành viên Rượu Vang Thăng Long</i> Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	100%	100%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 hàng năm.

Năm 2012, năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Công ty thực hiện thay đổi năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 hàng năm.

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là kỳ kế toán 6 tháng đầu của năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Công ty.

02. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

02. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

03. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

04. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

05. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
- TSCĐ hữu hình khác	8 - 12 năm
- Bản quyền, bằng sáng chế	8 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn (theo thời gian sử dụng)	21 năm
- Phần mềm máy vi tính	8 năm

Trong kỳ, Công ty áp dụng các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo đó, đối với các tài sản cố định có nguyên giá từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng Công ty đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định thì giá trị còn lại của các tài sản này ghi nhận là khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

05. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được kế toán theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Trả trước tiền thuê đất;

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Đơn vị tính: VND***01. Tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	683.855.444	1.977.585.601
- Tiền gửi ngân hàng	945.350.616	22.555.647.727
Cộng	<u>1.629.206.060</u>	<u>24.533.233.328</u>

02. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu của người lao động	36.668.607	16.546.595
- Phải thu khác	1.245.641.839	766.472.099
Cộng	<u>1.282.310.446</u>	<u>783.018.694</u>

03. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường	694.858.500	-
- Nguyên liệu, vật liệu	8.616.942.878	8.906.713.288
- Công cụ, dụng cụ	383.275.780	394.768.553
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.808.407.489	17.860.933.413
- Thành phẩm	7.447.071.340	8.157.109.779
- Hàng hoá	1.324.855.970	1.241.292.273
- Hàng gửi bán	263.452.296	817.415.214
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u>45.538.864.253</u>	<u>37.378.232.520</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay, chi phí bán hàng, chi phí quản lý chờ kết chuyển	4.661.809.153	-
- Chi phí mua các loại bảo hiểm	-	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	74.507.577	28.181.507
Cộng	<u>4.736.316.730</u>	<u>28.181.507</u>

05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	56.875.153	77.888.888
Cộng	<u>56.875.153</u>	<u>77.888.888</u>

06. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Các khoản tiền nhận ủy thác	-	-
- Phải thu dài hạn khác	44.380.000	71.680.000
Cộng	<u>44.380.000</u>	<u>71.680.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>11.117.282.495</i>	<i>27.216.121.995</i>	<i>3.175.314.158</i>	<i>822.733.105</i>	<i>998.808.022</i>	<i>43.330.259.775</i>
- Mua trong kỳ	67.000.000	101.936.364	-	56.362.727	-	225.299.091
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(431.971.249)	(219.850.548)	(96.213.406)	-	(748.035.203)
- Giảm khác	(210.456.264)	(820.075.672)	(43.876.804)	(453.980.921)	(101.643.909)	(1.630.033.570)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>10.973.826.231</i>	<i>26.066.011.438</i>	<i>2.911.586.806</i>	<i>328.901.505</i>	<i>897.164.113</i>	<i>41.177.490.093</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>8.942.175.932</i>	<i>22.781.813.854</i>	<i>2.054.984.820</i>	<i>622.572.155</i>	<i>935.691.856</i>	<i>35.337.238.617</i>
- Khấu hao trong kỳ	116.388.250	802.793.611	99.298.086	35.404.198	23.680.026	1.077.564.171
- Tặng khác	15.883.922	-	-	(15.883.922)	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(273.198.751)	(219.850.548)	(73.983.406)	-	(567.032.705)
- Giảm khác	(203.469.836)	(739.074.343)	(41.163.252)	(334.073.366)	(84.746.590)	(1.402.527.387)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>8.870.978.268</i>	<i>22.572.334.371</i>	<i>1.893.269.106</i>	<i>234.035.659</i>	<i>874.625.292</i>	<i>34.445.242.696</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>2.175.106.563</i>	<i>4.434.308.141</i>	<i>1.120.329.338</i>	<i>200.160.950</i>	<i>63.116.166</i>	<i>7.993.021.158</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>2.102.847.963</i>	<i>3.493.677.067</i>	<i>1.018.317.700</i>	<i>94.865.846</i>	<i>22.538.821</i>	<i>6.732.247.397</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 6.880.885.007 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>255.498.856</i>	<i>252.000.000</i>	<i>183.101.908</i>	<i>35.000.000</i>	<i>725.600.764</i>
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(255.498.856)	(252.000.000)	(113.101.908)	-	(620.600.764)
- Giảm khác	-	-	(10.000.000)	-	(10.000.000)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	-	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>254.267.238</i>	<i>252.000.000</i>	<i>149.991.210</i>	<i>498.263</i>	<i>656.756.711</i>
- Khấu hao trong kỳ	1.231.618	-	3.016.683	2.187.498	6.435.799
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(255.498.856)	(252.000.000)	(113.891.274)	-	(621.390.130)
- Giảm khác	-	-	(8.501.012)	-	(8.501.012)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	-	<i>30.615.607</i>	<i>2.685.761</i>	<i>33.301.368</i>
III. Giá trị còn lại					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>1.231.618</i>	-	<i>33.110.698</i>	<i>34.501.737</i>	<i>68.844.053</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	-	<i>29.384.393</i>	<i>32.314.239</i>	<i>61.698.632</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công trình 181 Lạc Long Quân	929.691.727	929.691.727
- Công trình 45 Lạc Long Quân	973.659.328	973.659.328
- Công trình 323 Vĩnh Hưng	484.304.545	484.304.545
Cộng	<u>2.387.655.600</u>	<u>2.387.655.600</u>

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	8.261.425.803	-	-	8.261.425.803
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.261.425.803	-	-	8.261.425.803
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế	43.143.001	165.228.516	-	208.371.517
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	43.143.001	165.228.516	-	208.371.517
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	8.218.282.802	-	165.228.516	8.053.054.286
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.218.282.802	-	165.228.516	8.053.054.286
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-

Giá trị bất động sản đầu tư là xưởng sản xuất nhựa tại cụm Công nghiệp Thực phẩm Hapro.

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		1.000.000.000		1.000.000.000
- Công ty Cổ phần Rượu Hapro	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		200.000.000		-
- Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long	20.000	200.000.000	-	-
Cộng	120.000	<u>1.200.000.000</u>	100.000	<u>1.000.000.000</u>

12. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Giá trị còn lại của Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	664.992.217	383.507.481
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	2.323.214.044	2.345.509.764
Cộng	<u>2.988.206.261</u>	<u>2.729.017.245</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn	42.571.906.279	54.197.729.513
- Vay ngân hàng	23.354.164.516	33.451.644.701
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Tây Hồ ^(a)	4.661.986.786	9.702.820.939
+ Ngân hàng TMCP Đầu Tư Phát triển Việt Nam - Hai Bà Trưng ^(b)	10.759.996.081	11.519.890.833
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	6.256.882.858
+ Ngân hàng TMCP Đông Á ^(c)	5.932.181.649	4.033.186.731
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội ^(d)	2.000.000.000	1.938.863.340
- Vay đối tượng khác ^(e)	19.217.741.763	20.746.084.812
+ Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	-	7.700.000.000
+ Công ty TNHH MTV TM & DV Tràng Thi	3.000.000.000	-
+ Các cá nhân	16.217.741.763	13.046.084.812
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	<u>42.571.906.279</u>	<u>54.197.729.513</u>

- (a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội để mua nguyên vật liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho tại kho 191 Lạc Long Quân và Quyền sử dụng đất tại 343 đường Lạc Long Quân, Cầu Giấy, Hà Nội.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu Tư Phát triển Việt Nam - Hai Bà Trưng để mua nguyên liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 07 xe ô tô và 03 xe nâng hàng.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Á để mua nguyên vật liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng bảo lãnh của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội và thế chấp bằng tài sản cố định là tank, téc inox.
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội để mua nguyên liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng bảo lãnh của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội.
- (e) Khoản vay đối tượng khác để mua nguyên vật liệu. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	-	5.038.121.074
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	127.306.151
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	215.719.939	10.927.037.708
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	115.732.865
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	75.479	-
- Thuế thu nhập cá nhân	31.867.682	31.023.885
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.680.886.524	3.298.201.090
Cộng	<u>1.928.549.624</u>	<u>19.537.422.773</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí vận chuyển	-	350.190.000
- Trích trước tiền xăng xe tháng 12/2012	-	53.744.801
- Trích trước tiền khám bệnh định kỳ năm 2012	1.473.000	35.000.000
- Trích trước tiền thuê kho và xử lý rác thải tháng 12/2012	-	43.320.000
- Trích trước chi phí quảng cáo	-	278.630.909
Cộng	<u>1.473.000</u>	<u>760.885.710</u>

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	49.394.841	94.624.841
- Bảo hiểm xã hội	131.811.228	31.486.167
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.558.473.882	3.156.737.499
+ <i>Phải trả Tổng Công ty Thương mại Hà Nội về tiền hỗ trợ vốn bán hàng bình ổn giá</i>	-	2.000.000.000
+ <i>Phải trả Tổng Công ty Thương mại Hà Nội về tiền lãi vay</i>	-	175.260.093
+ <i>Phải trả Công ty Samiguel</i>	764.344.350	-
+ <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	794.129.532	981.477.406
Cộng	<u>1.739.679.951</u>	<u>3.282.848.507</u>

17. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- <i>Vay dài hạn ngân hàng</i>		
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Sở GD 1 ^(a)	3.454.623.856	3.915.240.368
Cộng	<u>3.454.623.856</u>	<u>3.915.240.368</u>

^(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương VN - Sở GD 1 để xây dựng nhà xưởng tại cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản Quyền sử dụng đất và toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị và các tài sản khác hình thành trên đất tại cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	18.000.000.000	-	(11.800.000)	9.302.676.377	1.974.953.440	3.702.701.237	32.968.531.054
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	(2.396.360.572)	(2.396.360.572)
Tăng khác	-	21.088.000	11.800.000	-	-	-	32.888.000
Hủy tạm PP lợi nhuận năm 2011	-	-	-	(515.528.118)	(122.744.790)	1.055.605.194	417.332.286
Phân phối lợi nhuận năm 2011	-	-	-	18.447.414	11.068.448	(368.948.281)	(339.432.419)
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	(1.798.820.000)	(1.798.820.000)
Số dư cuối năm trước	18.000.000.000	21.088.000	-	8.805.595.673	1.863.277.098	194.177.578	28.884.138.349
Số dư đầu năm nay	18.000.000.000	21.088.000	-	8.805.595.673	1.863.277.098	194.177.578	28.884.138.349
Tăng vốn điều lệ từ các quỹ, lợi nhuận sau thuế	9.000.000.000	(21.088.000)	-	(8.805.595.673)	-	(173.316.327)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	113.941.913	113.941.913
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận bổ sung	-	-	-	-	-	(20.861.251)	(20.861.251)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	27.000.000.000	-	-	-	1.863.277.098	113.941.913	28.977.219.011

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	10.800.000.000	7.200.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	16.200.000.000	10.800.000.000
Cộng	<u>27.000.000.000</u>	<u>18.000.000.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	18.000.000.000	18.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	9.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	27.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000	1.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	1.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	1.800.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	1.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	1.800.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	6.226.415.530	9.986.074.716
- Doanh thu bán thành phẩm	15.776.927.080	24.834.443.343
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	721.182.323	341.102.430
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	114.545.455	-
Cộng	<u>22.839.070.388</u>	<u>35.161.620.489</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Chiết khấu thương mại	2.327.632.565	1.967.073.137
- Hàng bán bị trả lại	2.719.445.265	580.821.268
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.569.211.981	3.826.004.314
Cộng	7.616.289.811	6.373.898.719

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	4.186.192.155	9.223.401.433
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	10.200.860.644	19.223.217.907
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	721.182.323	341.102.430
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	114.545.455	-
Cộng	15.222.780.577	28.787.721.770

04. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.929.131.739	6.937.671.125
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	7.322.945.328	16.492.341.474
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	189.279.400	-
- Chi phí kinh doanh bất động sản	94.610.718	-
Cộng	11.535.967.185	23.430.012.599

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	88.371.290	61.360.174
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.400.809	-
Cộng	89.772.099	61.360.174

06. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Lãi tiền vay	502.717.782	595.697.514
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Cộng	502.717.782	595.697.514

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Thu thanh lý tài sản, hàng hoá Xưởng Nhựa	3.897.962.278	-
- Thu nhập khác	-	514.374
Cộng	3.897.962.278	514.374

08. Chi phí khác

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Giá trị còn lại của tài sản, hàng hoá Xưởng Nhựa	3.903.759.575	-
- Chi phí khác	288.281.501	15.183.385
Cộng	4.192.041.076	15.183.385

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	24.118.949	74.008.309
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	24.118.949	74.008.309

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	113.941.913	555.067.893
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	113.941.913	555.067.893
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.700.000	1.798.820
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	42	309

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.936.092.507	10.733.157.938
- Chi phí nhân công	5.149.981.670	4.306.683.559
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.249.228.486	1.326.050.443
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	598.575.756	1.599.024.861
- Chi phí khác	752.120.712	526.442.904
Cộng	18.685.999.132	18.491.359.705

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
Tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ các quỹ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và thặng dư vốn cổ phần	9.000.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với bên liên quan**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
Tiền lương	453.411.706	154.768.322
Thù lao	40.000.000	62.000.000
Cộng	493.411.706	216.768.322

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì.
- Lĩnh vực thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến.
- Lĩnh vực dịch vụ: Cho thuê tài sản và dịch vụ khác.
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Đơn vị tính: VND Cộng
Kỳ này					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	10.200.860.644	4.186.192.155	721.182.323	114.545.455	15.222.780.577
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	6.110.104.722	8.217.965.103	343.470.230	119.100.862	14.790.640.917
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	4.090.755.922	(4.031.772.948)	377.712.093	(4.555.407)	432.139.660
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	225.299.091	-	-	-	225.299.091
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	944.455.009	387.582.017	66.771.254	10.605.284	1.409.413.564
Số dư cuối kỳ					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	54.032.671.802	22.173.731.679	3.820.011.774	606.732.823	80.633.148.078
- Tài sản không phân bổ					2.829.206.060
Tổng tài sản	54.032.671.802	22.173.731.679	3.820.011.774	606.732.823	83.462.354.138
- Nợ phải trả bộ phận	35.342.681.679	14.503.801.390	2.498.663.413	396.862.941	52.742.009.423
- Nợ phải trả không phân bổ					1.743.125.704
Tổng nợ phải trả	35.342.681.679	14.503.801.390	2.498.663.413	396.862.941	54.485.135.127

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.629.206.060	30.383.233.328	1.629.206.060	30.383.233.328
Phải thu khách hàng	6.677.481.482	29.258.688.554	6.677.481.482	29.255.565.489
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	1.326.690.446	854.698.694	1.326.690.446	854.698.694
Cộng	9.633.377.988	60.496.620.576	9.633.377.988	60.493.497.511
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	3.853.441.629	8.261.126.799	3.853.441.629	8.261.126.799
Vay và nợ	46.026.530.135	58.112.969.881	46.026.530.135	58.112.969.881
Chi phí phải trả	1.473.000	760.885.710	1.473.000	760.885.710
Các khoản phải trả khác	1.757.462.093	3.859.822.485	1.757.462.093	3.859.822.485
Cộng	51.638.906.857	70.994.804.875	51.638.906.857	70.994.804.875

04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	2.788.183.356	1.065.258.273	-	3.853.441.629
Vay và nợ	42.571.906.279	3.454.623.856	-	46.026.530.135
Chi phí phải trả	1.473.000	-	-	1.473.000
Các khoản phải trả khác	1.739.679.951	17.782.142	-	1.757.462.093
Cộng	47.101.242.586	4.537.664.271	-	51.638.906.857
Số đầu năm				-
Phải trả cho người bán	7.407.373.013	853.753.786	-	8.261.126.799
Vay và nợ	54.197.729.513	3.915.240.368	-	58.112.969.881
Chi phí phải trả	760.885.710	-	-	760.885.710
Các khoản phải trả khác	3.282.848.507	576.973.978	-	3.859.822.485
Cộng	65.648.836.743	5.345.968.132	-	70.994.804.875

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

08. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2013

Phó Giám đốc phụ trách



Tô Thanh Huyền